

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HN-ST

Ngày: 14-7-2020

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Bình

2. Ông Nguyễn Văn Đông

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã Đ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Thân Văn P, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L và anh P có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Thân Văn P. Lý do: Chị và anh P do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2010. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh P. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Từ năm 2018, chị và anh P không

còn sống chung cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Thân Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/10/2010, hiện nay đang sống chung với anh P, khi ly hôn chị đề nghị để anh P trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*- Bị đơn anh Thân Văn P có lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với Chị L vì mong muốn hàn gắn tình cảm.

2. Về con chung: Thân Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/10/2010, hiện đang sống chung với anh. Nếu yêu cầu ly hôn của Chị L được Tòa chấp nhận, anh đồng ý trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đương sự chấp hành tốt sự triệu tập.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L; Con chung: Thân Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/10/2010, để anh P trực tiếp nuôi, anh P không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; Tài sản chung: Không yêu cầu; Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn, anh Thân Văn P là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, thấy rằng:

Chị L cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa, Chị L cho rằng vào năm 2016 chị bị bệnh phụ khoa nên chị không muốn gần gũi chồng nhưng anh P ép chị, xé đồ chị. Trong quá trình sống chung, vợ chồng nhiều lần cự cãi, anh P đánh chị. Sự việc kéo dài đến năm 2018 thì chị phát hiện bị

bệnh trầm cảm, kèm điều kiện kinh tế gia đình bên chồng khó khăn, vợ chồng chỉ làm thuê chỉ đủ sống làm cho chị bị áp lực nặng. Anh P lại không cho chị giao lưu hay tiếp xúc bạn bè, làm cho chị cảm thấy mình không có quyền được làm chủ bản thân. Chị đã về bên cha mẹ ruột ở tỉnh Trà Vinh sinh sống và điều trị bệnh cho đến nay, hiện chị vẫn còn uống thuốc điều trị bệnh trầm cảm. Nay thấy không thể kéo dài hôn nhân được nữa nên chị quyết định xin ly hôn với anh P.

Anh P không đồng ý ly hôn, cho rằng muốn hàn gắn tình cảm. Việc Chị L bị bệnh trầm cảm và nguyên nhân Chị L muốn ly hôn là đúng như Chị L trình bày. Nay anh muốn điều trị hết bệnh trầm cảm cho Chị L rồi mới tính đến việc xin ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, bà Trần Thị C là mẹ ruột của anh P cho biết: Anh P có ở chung nhà với gia đình bà. Sau khi anh P cưới Chị L cách nay khoảng 10 năm, vợ chồng sống chung với gia đình bà. Cách nay khoảng 05 đến 06 tháng, mẹ của Chị L có đến nhà bà để hỏi rước Chị L về quê ở tỉnh Trà Vinh để về bị bệnh trầm cảm cho Chị L. Chị L có gọi con cho bà chăm sóc. Riêng mâu thuẫn vợ chồng thì bà không biết do thấy các con vẫn sống hạnh phúc. Anh P hiện nay có nghề nghiệp ổn định, đủ khả năng nuôi con.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương ấp H nơi anh P đăng ký thường trú cho biết thông tin: Hôn nhân giữa Chị L và anh P có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Qua họp tổ tại địa phương không có đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên không nắm rõ nguyên nhân ly hôn. Hiện anh P sống chung với cha mẹ và con gái, còn Chị L về quê ruột sinh sống.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị L và anh P là có thật, lúc đầu không lớn. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc điều kiện kinh tế gia đình khó khăn (như Chị L và anh P trình bày là chỉ đủ sống), Chị L bị bệnh nên ảnh hưởng đến quan hệ gần gũi vợ chồng. Trong quá trình sống chung, Chị L cảm thấy anh P gò ép chị, làm cho chị mất tự do của bản thân, ảnh hưởng đến suy nghĩ, tinh thần của chị nên muốn ly hôn để chị thấy thoải mái hơn, chuyên tâm trị bệnh. Anh P cũng thừa nhận mâu thuẫn mà Chị L nêu là có thật nhưng không muốn ly hôn. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có một thời gian không còn sống chung nhưng không tìm được hướng hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng nhiều. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải nhưng không thành. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Thân Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/10/2010. Xét thấy con đã sống chung với cha, đã quen với cuộc sống bên nội. Khi được hỏi ý kiến, cháu Nhi có nguyện vọng sống chung với cha nếu cha, mẹ ly hôn. Anh P cũng đồng ý trực tiếp nuôi con nếu ly hôn. Xét thấy, cần để anh P trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Anh P không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, Chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Thân Văn P.

2. Về con chung: Thân Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/10/2010, khi ly hôn anh Thân Văn P được trực tiếp nuôi con. Anh Thân Văn P không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L cấp dưỡng nuôi con, không xem xét.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010369 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Đỗ Thúy Hằng**